

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2024/DSST

Ngày: 02/5/2024

“V/v Tranh chấp hợp đồng
dân sự về vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dương

2. Ông Trương Văn Mên

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2024/TLST-DS ngày 05/01/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2024/QĐXXST-DS, ngày 18/3/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-DS, ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Tên thường gọi: L

Địa chỉ: Ấp C, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị C: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1986. Địa chỉ: Khóm H, phường G, thành Phố T, tỉnh Trà Vinh (có mặt);

Bị đơn:

1. Bà Thạch Thị Huỳnh H, sinh năm 1982 (có mặt);

2. Ông Thạch R, sinh năm 1979 (vắng mặt);

3. Chị Thạch Thị D, sinh năm 2003 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Thạch R: Bà Thạch Thị Huỳnh H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Ô, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh P, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày và yêu cầu như sau:

Bà Trần Thị C có quen biết ông Thạch D1, không quen biết với gia đình bà Thạch Thị Huỳnh H. Do em họ của bà C muốn lập gia đình. Vì vậy, bà C có nhờ ông Thạch D1 biết ai hiền lành làm mai cho em họ của bà C nên ngày 08/9/2023, ông Thạch D1 giới thiệu Thạch Thị D cho bà C và nói rằng bé rất hiền, bà C gặp bà Thạch Thị Huỳnh H là mẹ ruột của Thạch Thị D trò chuyện với nhau.

Ngày 15/9/2023, bà Thạch Thị Huỳnh H có gặp bà C nói rằng: Nhà của tôi nghèo, nhờ cô làm mai cho con của tôi gặp được người hiền lành và tốt, có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, bà C nói sẽ giúp bà H làm mai Thạch Thị D cho em họ của bà C. Sau đó, giữa em bà C và Thạch Thị D có gặp nhau. Nhưng do gia đình D khó khăn tài chính, thời điểm này bà H có hỏi mượn bà C 150.000.000 đồng để tổ chức lễ ra mắt họ hàng, khi mượn thì bà H cho rằng sau khi tổ chức lễ cưới xong thì bà sẽ trả tiền cho bà C và bà C đồng ý.

Ngày 24/9/2023, bà H và Thạch Thị D đến nhà bà C để nhận tiền, D viết biên nhận, nhận số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền ngày 25/9/2023, Thạch Thị D bỏ trốn, không tổ chức lễ ra mắt như đã hứa hẹn, bà C gặp bà H yêu cầu trả lại tiền thì bà H nói lấy tiền mua vàng, mua xe, trả nợ hết, hứa khi nào có thì trả, bà C không đồng ý.

Nay bà C yêu cầu vợ chồng bà H và con bà H là chị D phải trả cho bà C số tiền đã mượn là 150.000.000 đồng.

Theo các lời khai tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Thạch Thị H1 bbbbbbHuỳnh H và là đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Thạch R trình bày và có yêu cầu như sau:

Năm 2023, ông D1 giới thiệu cho bà C làm mai gả con gái đi Trung Quốc, con bà tên D đồng ý nên bà chấp nhận gả con và bà có hỏi mượn tiền bà C trước là 10.000.000 đồng, sau là 140.000.000 đồng, bà và con gái bà nhận tại nhà bà C, đây là tiền sính lễ không phải tiền vay mượn của bà C. Con bà có chụp hình cưới sau đó có đi chơi với người chồng Trung Quốc nhưng chưa đăng ký kết hôn, sau đó bà C báo cho bà biết là con bà tên Thạch Thị D đã bỏ đi mất, hiện giờ thì con bà đi đâu không rõ, không điện thoại liên lạc được với con. Về số tiền bà đã nhận 150.000.000 đồng của bà C, bà đem về mua xe Honda hết 20.000.000 đồng, trả nợ bên ngoài, mua vàng cho con gái, khi bà C đến báo con bà bỏ đi thì tiền bà còn 30.000.000 đồng, bà trả nhưng bà C không nhận, sau đó bà đi trị bệnh cho chồng bà đã hết. Nay bà C yêu cầu vợ chồng bà và con gái bà trả lại tiền thì bà chấp nhận trả nhưng khi nào có thì bà mới trả và trả dần.

Trợ giúp viên pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Thạch Thị Huỳnh H trình bày: Phía bị đơn không có yêu cầu phản tố, thừa nhận

có nhận 150.000.000 đồng và đồng ý trả theo yêu cầu của bà C, tuy nhiên bà H không có khả năng trả đủ một lần bởi vì chồng bà H là ông R bị bệnh tai biến, bà H thì không có nghề nghiệp ổn định, hiện nay chị D thì đi không về, còn lại người em trai bị tâm thần nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà H trả dần đến khi đủ số tiền. Về án phí thì bà H là người dân tộc sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bà H.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 116; 119, 288; 463, 466, 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị C. Buộc bà H, ông R, chị D phải có nghĩa vụ liên đới trả bà Trần Thị C 150.000.000 đồng. Về án phí: Miễn án phí cho bà H, ông R, chị D vì thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn và nơi thực hiện giao dịch dân sự tranh chấp trên địa bàn huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn khởi kiện của bà C yêu cầu H, ông R, chị D phải trả số tiền vay còn nợ, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Thạch Thị D đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2] Về nội dung:

Xét về biên nhận do bà C cung cấp thì bà H đã thừa nhận là do Thạch Thị Diễm v, bà và chị D có nhận tiền của bà C tại nhà C 150.000.000 đồng, tuy nhiên bà H cho rằng đây là tiền sinh lễ nhưng bà H không có chứng cứ gì chứng minh đây là tiền sinh lễ nhà trai đến nhà bà H để giao tiền, phía bà C thì cho

rằng không phải tiền sính lễ mà tiền bà C cho bà H mượn và khi mượn thì bà H thoả thuận sau khi tổ chức lễ cưới xong, bà H sẽ trả tiền cho bà C nhưng sau khi bà H nhận tiền mà không tổ chức lễ cưới hỏi, bà H cũng không trả lại tiền cho bà C vì vậy bà C khởi kiện yêu cầu bà H, ông R, chị D phải trả số tiền này là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bà C được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Bà Thạch Thị Huỳnh H, ông Thạch R, chị Thạch Thị D là người dân tộc Khmer sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên xét bà H, ông R, chị D không phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét về quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về quan điểm của Trợ giúp viên pháp lý là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; các Điều 35; 39; 147; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 12, 14, 15, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C.

Buộc bà Thạch Thị Huỳnh H, ông Thạch R, chị Thạch Thị D phải có nghĩa vụ trả số tiền cho bà Trần Thị C là 150.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí.

Bà Trần Thị C được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.750.000 đồng theo biên lai thu số 0001026 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Thạch Thị D vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh